

Bản án số: 138/2022/HC-PT

Ngày: 18/5/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 28/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1599/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Võ Thị Hồng V, sinh năm 1955. Địa chỉ: 27/1 Đường Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Số 70 Đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H1 – Phó Chủ tịch. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Phạm Thế M – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

+ Ông Phạm Văn Th – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Quảng Nam; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Thái Hùng Nh – Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: 99A Đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C1 – Phó giám đốc. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Quốc V. Địa chỉ: Thôn T1, xã B, huyện T2, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2. Bà Lê Tố N. Địa chỉ: Khoa cấp cứu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: 01 đường N1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

3. Ông Lê Việt N2, sinh năm 1990. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

4. Bà Lê Võ Nhật Q, sinh năm 2001. Địa chỉ: 27/1 Đường Đ, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Quỳnh: Bà Võ Thị Hồng V, sinh năm 1955. Địa chỉ: 27/1 Đường Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Võ Thị Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Võ Thị Hồng V trình bày:

Ngày 18/12/1999, bà Võ Thị Hồng V nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Phạm Thị T2 - ông Trương Văn H2 01 ngôi nhà có diện tích 33m² gắn liền với diện tích đất 120m² tại khối 11, phường A, thành phố T. Hai bên lập hợp đồng viết tay. Năm 2001, bà V đăng ký kết hôn với ông Lê Văn D1 (*ông D1 chết năm 2005*). Ngày 27/8/2003, bà V, ông D1, ông Lê Việt N2 (*con riêng ông D1*), bà Lê Võ Nhật Q (*con chung ông D1 - bà V*) chuyển hộ khẩu đến đăng ký thường trú tại địa chỉ nhà, đất nêu trên. Sau đó, bà V đứng tên ký đơn trên đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là hộ bà Võ

Thị Hồng V đối với diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T. Ngày 04/01/2008, Ủy ban nhân dân phường A ký xác nhận vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/7/2008, Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 cho hộ bà Võ Thị Hồng V đối với diện tích đất 145,6m² nêu trên.

Bà V cho rằng nhà, đất được cấp Giấy chứng nhận nêu trên là tài sản riêng của bà có trước thời kỳ hôn nhân do bà nhận chuyển nhượng của bà Toàn vào ngày 19/12/1999. Do đó, ngày 23/3/2020 bà V có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố T điều chỉnh tên người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận đã cấp từ hộ bà Võ Thị Hồng V sang tên cá nhân bà V. Ngày 19/6/2020, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Văn bản số 1114/UBND-TNMT trả lời đơn bà V với nội dung khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 cho hộ bà Võ Thị Hồng V đúng quy định pháp luật và không chấp nhận đề nghị điều chỉnh tên trên Giấy chứng nhận từ người sử dụng đất “Hộ bà Võ Thị Hồng V” sang cá nhân bà Võ Thị Hồng V. Bà V khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết tại Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 15/10/2020, với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà V, giữ nguyên Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020.

Bà V không đồng ý với nội dung giải quyết kiến nghị, khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Bởi lẽ, bà V cho rằng nhà gắn liền với diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T là tài sản riêng của bà có trước hôn nhân, không phải là tài sản của hộ gia đình nhưng khi lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận bà chỉ ký đơn còn nội dung đơn bà không rõ vì bà nhờ người khác viết hộ đã dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận không đúng. Đồng thời, về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận thể hiện giấy mua bán nhà giữa bà và vợ chồng bà Toàn - ông Huyền đã bị chỉnh sửa năm mua bán từ năm 1999 thành năm 2002, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Do đó, ngày 02/11/2020, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, hủy Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam điều chỉnh tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V sang cá nhân bà V. Ngày 21/01/2021, bà V khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T cho cá nhân bà Võ Thị Hồng V.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam điều chỉnh tên trên Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V sang cá nhân bà V.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V vì cho rằng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13, diện tích 145,6m² tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam là cấp theo đơn đề nghị của bà V. Cụ thể, tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà V đã kê khai, đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là “hộ bà Võ Thị Hồng V”. Do đó, việc cấp Giấy chứng nhận số AM 600344 cho hộ bà Võ Thị Hồng V là đúng quy định pháp luật. Do đó, việc không chấp nhận kiến nghị điều chỉnh tên người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận đã cấp từ “Hộ bà Võ Thị Hồng V” sang cá nhân bà V tại Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T cũng như Quyết định giải quyết khiếu nại số 5969/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đối với bà V là đúng pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc V, bà Lê Tố N (*do ông V đại diện*) và ông Lê Việt N2 có cùng chung ý kiến là các ông, bà không tranh chấp với bà V về quyền sở hữu đối với tài sản là nhà gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T. Tuy nhiên các ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V vì cho rằng: Diện tích đất trên đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ gia đình và đã xác định thời điểm sử dụng đất là từ năm 2002, thời điểm này cha các ông, bà là ông Lê Văn D1 đã kết hôn với bà V nên không thể nói là tài sản riêng của bà V nhận chuyển nhượng trước khi kết hôn với ông D1. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của ông D1 đối với tài sản này.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có giấy chuyển nhượng giữa bà V với bà Toàn ghi ngày 18/12/2002 nhưng ở nội dung của văn bản này thể hiện bà V được trọn quyền sử dụng từ ngày 18/12/1999 nên có căn cứ xác định bà V nhận chuyển nhượng vào năm 1999, việc này đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, việc nhận chuyển nhượng vào năm 1999 hay 2002 thì không ảnh hưởng đến việc cấp Giấy chứng nhận vì ở hai mốc thời gian này đều sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004 nên về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất khi được cấp Giấy chứng nhận là không thay đổi. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình hay cá nhân là căn cứ vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà V ký tên thể hiện bà V đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất là hộ bà Võ Thị Hồng V nên Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp Giấy chứng nhận cho hộ bà V là đúng theo đơn đề nghị của bà V. Việc bà V cho rằng bà ký vào đơn nhưng không biết nội dung trong đơn xin cấp cho hộ gia đình vì đơn do người khác viết hộ là không thể chấp

nhận, bởi lẽ bà V đã ký vào đơn thì phải chịu trách nhiệm về nội dung trong đơn. Do đó, trong trường hợp đơn ghi không đúng người sử dụng đất thì lỗi này là của bà V không thể buộc Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu trách nhiệm. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T không chấp nhận đề nghị điều chỉnh tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ bà Võ Thị Hồng V sang cá nhân bà Võ Thị Hồng V cũng như quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam điều chỉnh tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V sang cá nhân bà Võ Thị Hồng V.

[2] Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 49, khoản 6 Điều 50, khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

[2.1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng V về việc: Yêu cầu hủy Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, hủy Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Hồng V, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T cho cá nhân bà Võ Thị Hồng V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/8/2021, người khởi kiện bà Võ Thị Hồng V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Võ Thị Hồng V giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bà Võ Thị Hồng V cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V hủy Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, hủy Quyết định số 5969/QĐ-

UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Hồng V, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T cho cá nhân bà Võ Thị Hồng V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Thị Hồng V và sửa bản án sơ thẩm, hủy Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, hủy Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Hồng V, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T cho cá nhân bà Võ Thị Hồng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Tố N vắng mặt hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ. Các đương sự vắng mặt đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phần nội dung: Ngày 18/12/1999, bà Võ Thị Hồng V nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị T2 ngôi nhà có diện tích 33m² gắn liền với diện tích đất 120m² tại khối 11, phường A, thành phố T. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng nhà và đất chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nên hai bên lập hợp đồng viết tay. Ngày 26/3/2001, bà Võ Thị Hồng V kết hôn với ông Lê Văn D1. Ngày 23/6/2005, ông Lê Văn D1 bị bệnh chết. Tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị Hồng V ghi rõ: Tên người sử dụng: Hộ bà Võ Thị Hồng V. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị T2 năm 2002. Bà V thừa nhận chữ ký của bà và có xác nhận của UBND phường A ngày 04/01/2008. Ngày 11/7/2008, UBND

thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM600344 cho hộ bà Võ Thị Hồng V. Năm 2020 bà V có đơn đề nghị UBND thành phố T điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp từ hộ gia đình sang cá nhân bà. Vào ngày 19/6/2020, UBND thành phố T có Công văn số 1114/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của bà Võ Thị Hồng V. Ngày 11/7/2020, vợ chồng bà Phạm Thị T2 và ông Trương Văn H2 có lập văn bản thỏa thuận và cam kết thể hiện vào ngày 18/12/1999, vợ chồng ông bà có bán nhà đất cho bà V có Văn phòng công chứng chứng thực. Không đồng ý với Công văn nói trên của UBND thành phố T, bà V tiếp tục khiếu nại. Ngày 15/10/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5969/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại bà Võ Thị Hồng V, thường trú tại khối phố Mỹ Hòa, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vì việc khiếu nại của bà là không có căn cứ. Giữ nguyên Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của bà Võ Thị Hồng V.

Như vậy, bà Võ Thị Hồng V đã kê khai, đăng ký và xin cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình nên UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà V là đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, các con của ông Lê Văn D1 bao gồm ông Lê Quốc V, bà Lê Tổ N, ông Lê Việt N2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng V là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Võ Thị Hồng V và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Hồng V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, bà V là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà V.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Thị Hồng V và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 49, khoản 6 Điều 50, khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng V về việc yêu cầu hủy Công văn số 1114/UBND-TNMT ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, hủy Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Hồng V, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 600344 ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho hộ bà Võ Thị Hồng V và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 145,6m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 13 tại khối 11, phường A, thành phố T cho cá nhân bà Võ Thị Hồng V.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Võ Thị Hồng V.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm